**Phụ lục 3**

**ĐIỂM TÍNH THEO KẾT QUẢ**

**RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP MỖI NĂM HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ**

*(kèm theo công văn số* */SGDĐT-NVDH ngày /4/2024 của Sở GDĐT)*

**I. ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH LỚP 10 THEO PHƯƠNG THỨC KẾT HỢP THI TUYỂN VỚI XÉT TUYỂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Kết quả rèn luyện và học tập** | **Điểm** |
| 1 | Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi | 5,0 |
| 2 | Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá | 4,5 |
| 3 | Hạnh kiểm khá, học lực khá | 4,0 |
| 4 | Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình | 3,5 |
| 5 | Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá | 3,0 |
| 6 | Các trường hợp còn lại | 2,5 |

**II. ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH LỚP 10 THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Kết quả rèn luyện và học tập** | **Điểm** |
| 1 | Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi  | 10,0 |
| 2 | Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá  | 9,0 |
| 3 | Hạnh kiểm khá, học lực khá  | 8,0 |
| 4 | Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình | 7,0 |
| 5 | Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá | 6,0 |
| 6 | Các trường hợp còn lại | 5,0  |

**III. QUY ĐỊNH ĐIỂM SƠ TUYỂN (CHỈ ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN)**

**1. Quy định các tiêu chí tính điểm sơ tuyển**

Gồm 04 tiêu chí với mức quy đổi điểm như sau:

**Tiêu chí 1.** Kết quả thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa

1.a) Đạt giải Nhất cấp tỉnh : 4,0 điểm

1.b) Đạt giải Nhì cấp tỉnh : 3,0 điểm

1.c) Đạt giải Ba cấp tỉnh : 2,0 điểm

1.d) Đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh : 1,0 điểm

**Tiêu chí 2.** Kết quả dự thi cá nhân tài năng do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành tổ chức (văn nghệ; thể dục thể thao; vẽ; viết thư quốc tế; thí nghiệm thực hành một trong các bộ môn vật lý, hoá học, sinh học; nghiên cứu khoa học kỹ thuật; vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn; Tin học trẻ; Sáng tạo kỹ thuật; Sáng tạo trẻ và các kỳ thi, cuộc thi khác)

2.a) Đạt giải Nhất cấp tỉnh; giải Nhất, Nhì, Ba cấp toàn quốc,

 khu vực, quốc tế : 2,0 điểm

2.b) Đạt giải Nhì cấp tỉnh; giải Khuyến khích cấp toàn quốc,

 khu vực, quốc tế : 1,5 điểm

2.c) Đạt giải Ba cấp tỉnh : 1,0 điểm

2.d) Đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh : 0,5 điểm

**Tiêu chí 3.** Kết quả xếp loại danh hiệu học sinh 4 năm cấp trung học cơ sở

3.a) Đạt danh hiệu Học sinh giỏi 4 năm : 4,0 điểm

3.b) Đạt danh hiệu Học sinh giỏi 3 năm : 3,0 điểm

3.c) Đạt danh hiệu Học sinh giỏi 2 năm : 2,0 điểm

3.d) Đạt danh hiệu Học sinh giỏi 1 năm : 1,0 điểm

**Tiêu chí 4.** Kết quả tốt nghiệp trung học cơ sở

4.a) Loại Giỏi: 2,0 điểm

4.b) Loại Khá: 1,0 điểm

**2. Điểm sơ tuyển của thí sinh**

Điểm sơ tuyển của thí sinh là tổng điểm được tính theo 4 tiêu chí trên.

Trong toàn cấp học, các loại giải đã nêu trên đều được tham gia tính điểm sơ tuyển.

Mỗi tiêu chí chỉ chọn loại đạt thành tích cao nhất./.